

Về nguồn gốc lý luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng nền văn minh sinh thái xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc và liên hệ thực tiễn Việt Nam

ThS. WANG YONG JUN

Trường Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc; Email: kenwang19920220@gmail.com

Tóm tắt: Đảng và Nhà nước ta đã xác định bảo vệ môi trường là một trong ba trụ cột của phát triển và kiên quyết không đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng kinh tế trước mắt. Trong bối cảnh đó, việc tham khảo mô hình văn minh sinh thái của Trung Quốc nhằm rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất chính sách phù hợp cho Việt Nam là rất cần thiết. Bài viết này phân tích nguồn gốc lý luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng nền văn minh sinh thái xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, đồng thời lồng ghép so sánh, liên hệ với thực tiễn Việt Nam về lý luận, chính sách và thực hành bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số bài học kinh nghiệm và kiến nghị chính sách cho Việt Nam, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: xây dựng văn minh sinh thái; chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc; thực tiễn Việt Nam.

1. Quan điểm lý luận của Việt Nam về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường

Mặc dù Việt Nam không sử dụng thuật ngữ "văn minh sinh thái" một cách chính thức như Trung Quốc, song các quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều điểm tương đồng về tư tưởng cốt lõi. Ngay từ Đại hội VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề cập yêu cầu kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường. Đến Đại hội XI (2011) và XII (2016), tư duy phát triển bền vững được nhấn mạnh rõ nét hơn; đặc biệt, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI (2013) đã ban hành Nghị quyết số 24 - NQ/TW về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường - xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp đó, Kết luận số 56 - KL/TW (2019) của Bộ Chính trị khẳng định tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết trên, nhấn mạnh yêu cầu cải cách thể chế môi trường ở Việt Nam tiệm cận các thông lệ tiên tiến, nâng cao chất lượng môi trường sống và chủ động hội nhập quốc tế về môi trường. Như vậy, về mặt lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất quan điểm phát triển hài hòa, coi trọng cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Văn kiện Đại hội XIII (2021) của Đảng tiếp tục

khẳng định phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thiên nhiên cũng đề cao sự gần gũi, trân trọng đối với môi trường sống; Người từng căn dặn "phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên". Đây là những tiền đề tư tưởng quan trọng để Việt Nam hướng tới một mô hình phát triển "kinh tế xanh", "kinh tế tuần hoàn" tương đồng với mục tiêu văn minh sinh thái mà Trung Quốc đề xướng. Trong khi Trung Quốc xây dựng lý luận "văn minh sinh thái xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc" như một bộ phận của hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời đại mới, thì Việt Nam lồng ghép các nguyên lý bảo vệ môi trường vào đường lối phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đó là một nội dung quan trọng của mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Sự tương đồng thể hiện ở chỗ cả hai Đảng Cộng sản đều xác định: phát triển kinh tế không thể tách rời nhiệm vụ bảo vệ môi trường, vì mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân một cách bền vững.

2. So sánh và đánh giá

Có thể thấy, Trung Quốc đã khái quát hóa các

quan điểm phát triển bền vững thành lý luận “văn minh sinh thái” mang màu sắc riêng, gắn liền với “Giấc mơ Trung Hoa” phục hưng dân tộc. Họ nhấn mạnh xây dựng xã hội hài hòa giữa con người và thiên nhiên là một phần trọng yếu trong hiện thực hóa “Trung Quốc tươi đẹp” vào năm 2035. Về phía Việt Nam, tư tưởng phát triển bền vững tuy không diễn đạt dưới cùng thuật ngữ, nhưng về bản chất cũng hướng tới xây dựng một đất nước “đân giàu, nước mạnh” song hành với môi trường sống trong lành, an toàn. Cả hai quốc gia đều dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đề cao nguyên tắc phát triển hài hòa. Tuy nhiên, điểm khác là Trung Quốc đã luật hóa tư tưởng văn minh sinh thái (bổ sung vào Điều lệ Đảng, Hiến pháp) và triển khai rất mạnh mẽ thành các chiến lược quốc gia, trong khi Việt Nam mới dừng ở mức độ lồng ghép trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các luật, chính sách về môi trường. Việc Trung Quốc coi văn minh sinh thái là “tiêu chí tiến bộ xã hội” ngang hàng với văn minh vật chất và tinh thần cho thấy mức độ ưu tiên rất cao về mặt lý luận. Đây là kinh nghiệm để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện nhận thức: cần xem bảo vệ môi trường không chỉ là một hạng mục phụ trợ của phát triển, mà phải thực sự là điều kiện nền tảng cho sự phát triển bền vững lâu dài. Thực tế, Đảng và Nhà nước ta đã ngày càng cụ thể hóa quan điểm này, thể hiện qua việc sửa đổi Luật Bảo vệ Môi trường 2020 nhằm thể chế hóa chủ trương “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng” và cập nhật các nội dung mới như biến đổi khí hậu, kinh tế carbon thấp, quyền tham gia của cộng đồng dân cư vào bảo vệ môi trường. Do đó, có thể nói về mặt lý luận, Việt Nam đang dần hội tụ những tư tưởng tương đồng với văn minh sinh thái xã hội chủ nghĩa mà Trung Quốc đề xướng, nhưng việc hệ thống hóa thành một học thuyết phát triển riêng (như Trung Quốc) thì chưa được xác định, một phần vì khác biệt về quy mô, điều kiện và cách tiếp cận chính sách.

Tóm lại, nguồn gốc lý luận của văn minh sinh thái xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc nằm ở sự kết hợp sáng tạo giữa chủ nghĩa Mác và điều kiện thực tiễn Trung Quốc, tạo thành một hệ thống quan điểm coi trọng sự hòa hợp giữa phát triển và môi trường. Việt Nam cũng có nền tảng lý luận tương tự về phát triển bền vững và đã quán triệt sâu sắc phương châm

này vào đường lối, chính sách. Điểm khác biệt chủ yếu là mức độ đề cao và cách thức thể hiện: Trung Quốc chính danh hóa “văn minh sinh thái” như một phần của hệ tư tưởng cầm quyền, còn Việt Nam thì lồng ghép vào chủ trương phát triển bền vững chung. Sự khác biệt này xuất phát từ bối cảnh và ưu tiên riêng, nhưng không làm thay đổi mục tiêu cuối cùng mà hai nước cùng hướng tới: xây dựng nền văn minh hiện đại trong đó con người được sống hài hòa với môi trường tự nhiên. Đây là tiền đề chung để Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm từ Trung Quốc trong quá trình hoạch định và triển khai các chiến lược, chính sách phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

3. Liên hệ thực tiễn Việt Nam

Ở Việt Nam, trong khoảng một thập kỷ trở lại đây, hệ thống chính sách, pháp luật môi trường cũng có bước tiến dài. Luật Bảo vệ Môi trường 2020 (có hiệu lực từ 2022) đã thay đổi quan trọng trong phương thức quản lý môi trường: chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, đánh giá tác động môi trường ngay từ giai đoạn chủ trương đầu tư; bổ sung các công cụ kinh tế như hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ carbon; quy định rõ trách nhiệm tham vấn cộng đồng dân cư trong các dự án để nâng cao vai trò giám sát của người dân. Luật mới cũng nhấn mạnh mục tiêu xuyên suốt là bảo vệ các thành phần môi trường và sức khỏe người dân, coi đó là trọng tâm để định hướng mọi chính sách Bảo vệ môi trường khác. Nhiều văn bản dưới luật được ban hành để hướng dẫn triển khai, tạo hành lang pháp lý đồng bộ hơn so với trước đây. Bên cạnh đó, Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1658/QĐ - TTg ngày 1/10/2021), nhấn mạnh việc đưa tăng trưởng xanh trở thành một động lực cho phát triển kinh tế bền vững. Chính phủ cũng phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh và gần đây (tháng 12/2024) ban hành Chỉ thị 44/CT - TTg nhằm đẩy mạnh thực hiện chiến lược này. Tuy nhiên, thẳng thắn nhìn nhận, quá trình triển khai ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế: các mục tiêu, nhiệm vụ tăng trưởng xanh chưa được lồng ghép đầy đủ vào kế hoạch phát triển của nhiều ngành, địa phương; nguồn lực thực hiện thiếu đồng bộ; các công cụ tài chính xanh còn chưa hoàn thiện;

nhận thức của một bộ phận người dân, doanh nghiệp về lợi ích của phát triển xanh còn hạn chế. Điều này khiến tăng trưởng xanh ở Việt Nam chưa thực sự trở thành động lực cho tăng trưởng kinh tế như mong đợi. So với Trung Quốc, rõ ràng năng lực thực thi chính sách môi trường của Việt Nam còn khoảng cách, song xu thế vận động là tương đồng: đều đang hoàn thiện thể chế theo hướng ưu tiên môi trường, chú trọng phát triển bền vững và hòa nhập với xu hướng toàn cầu.

Thực tiễn môi trường tại Việt Nam cũng ghi nhận cả thành tựu và nhiều thách thức. Về thành tựu, Việt Nam đã kiểm soát và cải thiện được một số mặt: tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 42% (2023), thuộc nhóm cao trên thế giới nhờ chính sách đóng cửa rừng tự nhiên và các chương trình trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc. Việt Nam cũng tích cực trong ứng phó biến đổi khí hậu: cam kết đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050 tại Hội nghị COP26 (2021) được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ. Nhiều dự án năng lượng sạch phát triển nhanh chóng, đưa Việt Nam thành nước có tốc độ tăng trưởng điện mặt trời hàng đầu Đông Nam Á giai đoạn 2018 - 2021. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở các đô thị và lưu vực sông. Đặc biệt, ô nhiễm không khí tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (TP. HCM) đã đến mức báo động trong những năm gần đây. Có thời điểm, Hà Nội và TP. HCM nằm trong nhóm những thành phố ô nhiễm nhất thế giới. Thống kê năm 2025 cho thấy chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2025, TP. HCM đã có hơn 65 ngày chất lượng không khí vượt ngưỡng cho phép, xếp thứ 4 toàn cầu về ô nhiễm không khí vào một số thời điểm. Tương tự, Hà Nội ghi nhận hơn 80 ngày trong nửa đầu 2025 có nồng độ bụi PM_{2.5} ở mức "xấu" hoặc "rất xấu", có thời điểm chỉ số AQI vọt lên 200 - 250. Tháng 4/2025, Hà Nội đứng thứ 2 thế giới về ô nhiễm không khí khi AQI chạm ngưỡng tím ~275 ở một số khu vực, nồng độ PM_{2.5} lên tới 130 µg/m³ (cao gấp 26 lần khuyến cáo của WHO). Trung bình năm, mức PM_{2.5} tại Hà Nội dao động từ 26 - 52 µg/m³ (vượt quy chuẩn quốc gia 1,1 - 2,1 lần). Rõ ràng, chất lượng không khí đô thị ở Việt Nam hiện nay xấu hơn nhiều so với Bắc Kinh - nơi đã cải thiện đáng kể. Nguyên nhân chính là do phát thải từ giao

thông, công nghiệp, xây dựng và đốt ngoài trời. TP. Hà Nội và TP. HCM có lượng phương tiện cá nhân khổng lồ (TP. HCM khoảng 8,5 triệu xe máy, 1 triệu ô tô), nhiều xe cũ xả thải cao, cộng thêm điều kiện khí tượng mùa đông gây hiện tượng nghịch nhiệt, khiến ô nhiễm tích tụ. Chính quyền các thành phố đã nhận thức rõ vấn đề và đang triển khai các biện pháp: TP. Hà Nội dự kiến phát triển mạng lưới 113 trạm quan trắc không khí trên toàn quốc vào 2030 để theo dõi và cảnh báo sớm; TP. HCM đưa ra 8 nhóm giải pháp giảm ô nhiễm không khí (quy hoạch xanh, kiểm soát khí thải giao thông và công nghiệp, hạn chế đốt rác, ứng dụng AI dự báo chất lượng không khí...). Mặc dù vậy, hiệu quả còn hạn chế, thể hiện qua việc chất lượng không khí chưa có chuyển biến rõ nét ở TP. HCM do thiếu trạm quan trắc và chế tài xử lý vi phạm chưa nghiêm. So với Trung Quốc, khả năng huy động nguồn lực lớn và hành động quyết liệt đồng bộ của Việt Nam còn yếu hơn, dẫn đến tiến độ cải thiện môi trường chậm. Đây là một thực tiễn cho thấy Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm quản lý ô nhiễm đô thị từ Trung Quốc, như việc Bắc Kinh kiểm soát chặt nguồn thải và chuyển đổi năng lượng sưởi ấm thành công.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng có những mô hình điểm sáng về phát triển đô thị sinh thái và giảm phát thải. Một số địa phương đã chủ động xây dựng định hướng "đô thị sinh thái" trong quy hoạch. Chẳng hạn, TP. Cần Thơ đặt mục tiêu đến 2030 trở thành "thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại" vùng Đồng bằng sông Cửu Long, với hệ thống hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu, phát triển nông nghiệp công nghệ cao thân thiện môi trường. TP. Hội An (Quảng Nam) cũng nhiều năm qua theo đuổi mô hình "đô thị sinh thái - văn hóa - du lịch", nổi bật với sáng kiến phố đi bộ, hạn chế xe cơ giới trong khu phố cổ, bảo tồn tốt cảnh quan sông nước. Gần đây, xu hướng phát triển các khu đô thị xanh ở Việt Nam tăng lên, ví dụ khu đô thị Ecopark (Hưng Yên) trồng cây xanh chiếm tỉ lệ lớn, hay các dự án như "TP. Thủ Đức" (TP. HCM) định hướng trở thành đô thị thông minh gắn với không gian xanh. Tuy quy mô các mô hình này còn khiêm tốn so với Trung Quốc (nơi có hàng trăm "thành phố sinh thái" thử nghiệm), nhưng chúng cho thấy nhận thức và nhu cầu về môi trường sống xanh, sạch đang dần thấm sâu vào tư duy quản lý đô thị ở

nước ta. Điều này phù hợp với tinh thần văn minh sinh thái - tức là xây dựng môi trường đô thị hài hòa với tự nhiên, nâng cao chất lượng sống cả về vật chất và tinh thần.

Tại Việt Nam, quá trình chuyển đổi kinh tế theo hướng xanh cũng đang diễn ra, tuy mức độ chưa sâu rộng như Trung Quốc. Về năng lượng, Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (QHĐ VIII) điều chỉnh, trong đó ưu tiên đặc biệt cho năng lượng tái tạo. Theo QHĐ VIII, mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ công suất nguồn từ năng lượng tái tạo (không kể thủy điện) đạt khoảng 30%, tiến tới 74 - 75% vào năm 2050. Quy hoạch cũng đề ra các chỉ tiêu cụ thể như: có 50% tòa nhà công sở và nhà dân tự lắp điện mặt trời mái nhà; xây dựng 2 trung tâm công nghiệp dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng; thậm chí hướng tới xuất khẩu 5.000 - 10.000 MW điện sạch sang các nước. Những năm 2019 - 2020, Việt Nam đã chứng kiến □con sốt□điện mặt trời với hàng loạt dự án lớn ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk□, đưa tổng công suất điện mặt trời lên khoảng 16,5 GW (chiếm 25% công suất nguồn vào cuối 2020). Điện gió cũng phát triển, đặc biệt là điện gió ven biển ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy vậy, quá trình chuyển đổi năng lượng của Việt Nam vẫn gặp nhiều □nút thắt□ hiệu suất nguồn điện gió - mặt trời còn thấp do lưới điện truyền tải quá tải, cơ chế giá thiếu hấp dẫn khiến đầu tư chững lại. Sau giai đoạn bùng nổ 2019 - 2020, nhiều dự án điện tái tạo bị chậm hoặc không vận hành được vì chưa có giá mua điện mới. Để khắc phục, Việt Nam đang hợp tác với các đối tác quốc tế qua Thỏa thuận Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP), kỳ vọng huy động 15,5 tỷ USD để thúc đẩy năng lượng sạch và đóng cửa sớm các nhà máy than. Về giao thông, Việt Nam bắt đầu chuyển đổi sang xe điện ở một số lĩnh vực: Đặc biệt, năm 2022 - 2023, Hà Nội và TP.HCM đã đưa vào hoạt động các tuyến xe buýt điện công cộng đầu tiên (VinBus) và tiếp tục mở rộng. Đến tháng 8/2025, riêng TP.HCM đã có 613 xe buýt điện (chiếm hơn 26% tổng số xe buýt) và khoảng 500 xe buýt CNG, nâng tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách công cộng sạch lên gần 48%. Thành phố đặt mục tiêu đến 2030, 100% xe buýt chuyển sang năng lượng sạch (điện hoặc CNG). Song song, thành phố cũng xây dựng đề án hỗ trợ

người dân chuyển đổi xe cá nhân từ xe xăng sang xe điện trong tương lai. Đây là những bước đi cụ thể nhằm giảm khí thải giao thông - nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí đô thị. Ngoài ra, Việt Nam đang khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp môi trường, như sản xuất thiết bị xử lý nước thải, chất thải; năng lượng sinh khối, nhiên liệu sinh học; thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch (ví dụ công nghệ sản xuất xi măng, thép giảm phát thải). Tuy nhiên, nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam vẫn trong giai đoạn đầu của quá trình xanh hóa: tỷ trọng năng lượng hóa thạch còn cao, công nghiệp nặng chưa được cải tiến triệt để. Do đó, cường độ phát thải trên GDP của Việt Nam hiện thuộc nhóm cao. Nhận thức được điều này, Chính phủ đã đề ra mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP xuống còn vài chục phần trăm vào 2030 so với hiện tại, thông qua các biện pháp như: áp dụng thuế carbon, phát triển thị trường carbon nội địa (theo Luật BVMT 2020, thị trường carbon Việt Nam dự kiến vận hành thí điểm từ 2025), thúc đẩy chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh trong sản xuất và tiêu dùng. Đây là những định hướng chiến lược rất phù hợp với xu thế thời đại và cũng tham khảo từ kinh nghiệm của các nước như Trung Quốc. Rõ ràng, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ là chìa khóa để Việt Nam giải quyết hài hòa bài toán phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường trong thực tiễn tới đây.

Có thể nhận thấy cơ sở thực tiễn cho văn minh sinh thái ở Trung Quốc chính là những thành quả nổi bật mà nước này đạt được trong cải thiện môi trường và chuyển đổi mô hình phát triển. Trung Quốc đã chứng minh rằng với quyết tâm chính trị cao, đầu tư lớn và cách tiếp cận đồng bộ, một quốc gia có thể đảo ngược xu hướng ô nhiễm và xây dựng lối sống xanh hơn ngay trong lòng xã hội công nghiệp hiện đại. Thực tiễn Việt Nam, tuy điểm xuất phát thấp hơn và còn nhiều tồn tại, nhưng cũng đang dịch chuyển theo hướng tương tự: các chính sách, chương trình và hành động ngày càng chú trọng yếu tố bền vững, thân thiện môi trường. So sánh với Trung Quốc giúp ta thấy rõ khoảng cách cần nỗ lực, đồng thời khẳng định niềm tin rằng việc xây dựng một nền văn minh sinh thái ở Việt Nam hoàn toàn khả thi nếu chúng ta biết kế thừa, phát huy các bài

học kinh nghiệm phù hợp.

4. Từ những phân tích lý luận và thực tiễn trên, chúng tôi xin đề xuất một số định hướng và giải pháp chính sách nhằm thúc đẩy xây dựng ☐văn minh sinh thái☐ở Việt Nam từ kinh nghiệm của Trung Quốc

Thứ nhất, hoàn thiện khung khổ chiến lược và nâng tầm nhận thức: Cần xây dựng một Chiến lược quốc gia về phát triển bền vững, hướng tới nền kinh tế xanh, văn minh sinh thái đến 2030, tầm nhìn 2050 (có thể tích hợp trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hoặc tách riêng). Chiến lược này phải xác định rõ quan điểm ☐bảo vệ môi trường là điều kiện nền tảng cho phát triển☐ đặt các chỉ tiêu môi trường ngang hàng với chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, nâng cao nhận thức trong toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội: mỗi cấp ủy, chính quyền địa phương phải coi việc giữ gìn môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu là một nhiệm vụ trọng yếu, tương tự bài học từ Trung Quốc khi Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa văn minh sinh thái thành một tiêu chí đánh giá sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có thể xem xét đưa tiêu chí hài lòng của người dân về môi trường sống vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chính quyền các tỉnh, thành.

Thứ hai, tăng cường thể chế, pháp luật và thực thi: Tiếp tục rà soát, sửa đổi các luật về đất đai, tài nguyên, năng lượng☐ theo hướng lồng ghép các yêu cầu phát triển bền vững. Sớm ban hành Luật Biến đổi khí hậu hoặc luật về giảm phát thải khí nhà kính để cụ thể hóa cam kết Net Zero 2050. Tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý môi trường, thiết lập cơ chế điều phối liên ngành trong xử lý những vấn đề môi trường liên tỉnh (ví dụ ô nhiễm lưu vực sông, chất lượng không khí). Học tập Trung Quốc, Việt Nam có thể thí điểm áp dụng mô hình ☐thanh tra môi trường Trung ương☐ thành lập các đoàn thanh tra độc lập kiểm tra việc thực hiện pháp luật môi trường tại địa phương, kịp thời chấn chỉnh và kiến nghị xử lý trách nhiệm nếu có vi phạm nghiêm trọng. Song song đó, nâng cao năng lực hệ thống tư pháp về môi trường, đảm bảo các vụ vi phạm môi trường nghiêm trọng được đưa ra truy tố, xét xử nghiêm minh để răn đe. Đặc biệt, cần bổ sung quy định về trách nhiệm người đứng đầu: nếu để xảy ra sự cố môi trường lớn hay ô nhiễm kéo dài trên địa

bàn, người đứng đầu chính quyền địa phương, cơ quan liên quan phải chịu hình thức kỷ luật tương xứng. Cơ chế này sẽ thúc đẩy tính chủ động và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác bảo vệ môi trường.

Thứ ba, chính sách kinh tế thúc đẩy chuyển đổi xanh: Nhà nước cần có chính sách tài chính - đầu tư mạnh mẽ để thúc đẩy các ngành công nghiệp xanh, năng lượng sạch. Ví dụ: xây dựng quỹ đầu tư khí hậu xanh, phát hành trái phiếu xanh để huy động vốn cho các dự án năng lượng tái tạo, giao thông công cộng điện khí hóa, trồng rừng,☐ Ban hành các ưu đãi thuế cho doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường; đồng thời áp dụng thuế cao đối với hoạt động gây ô nhiễm (thuế carbon, thuế xả thải). Triển khai hiệu quả thị trường carbon trong nước theo lộ trình, tạo động lực kinh tế để doanh nghiệp cắt giảm phát thải. Ngoài ra, chính sách công cần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề cho lao động trong những ngành chịu tác động của quá trình xanh hóa (như than, nhiệt điện) - để đảm bảo chuyển đổi công bằng. Kinh nghiệm từ Trung Quốc, Việt Nam nên đầu tư trọng điểm vào một số lĩnh vực công nghệ mũi nhọn mà ta có lợi thế hoặc có nhu cầu cấp bách, chẳng hạn: công nghệ lưu trữ năng lượng (pin tích điện) để giải quyết tính gián đoạn của điện gió, mặt trời; công nghệ xe điện và pin nhiên liệu hydro cho giao thông; công nghệ xử lý rác thải, nước thải đô thị quy mô lớn (hiện nhiều thành phố Việt Nam còn thiếu nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn hiện đại). Việc ứng dụng công nghệ số (AI, IoT, dữ liệu lớn) trong quản lý môi trường cũng cần được đẩy mạnh, như xây dựng các bản đồ số về chất lượng không khí, nguồn thải, hệ thống cảnh báo lũ lụt, sạt lở☐ Những khoản đầu tư này cần được xem là đầu tư cho tương lai, giống cách Trung Quốc xác định phát triển xanh là ☐đầu tư cho phồn vinh lâu dài☐chứ không phải gánh nặng kinh tế.

Thứ tư, giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm với lộ trình cụ thể: Việt Nam nên tập trung vào những vấn đề nổi cộm nhất và xây dựng mục tiêu cụ thể theo giai đoạn để giải quyết. Chẳng hạn, vấn đề ô nhiễm không khí đô thị: có thể đặt mục tiêu đến 2025 giảm 50% số ngày AQI > 150 (mức xấu) ở Hà Nội, TP.HCM; đến 2030 các thành phố lớn cơ bản không còn ngày ô nhiễm ở mức nguy hại. Để đạt

được, cần lộ trình loại bỏ xe cơ giới cũ (xe máy, ô tô không đạt chuẩn khí thải), mở rộng vùng hạn chế giao thông tại trung tâm, phát triển mạnh phương tiện công cộng sạch (như hiện TP. HCM đặt mục tiêu 100% xe buýt xanh 2030). Kinh nghiệm Bắc Kinh cho thấy việc thay thế toàn bộ hệ thống sưởi than bằng điện hoặc khí đã giảm ô nhiễm rất nhanh. Ở Việt Nam, tuy không có sưởi than, nhưng có tình trạng đốt rơm rạ, rác thải ở ngoại thành gây khói bụi - cần xử lý dứt điểm bằng cách hỗ trợ máy móc xử lý phụ phẩm nông nghiệp thay vì đốt. Vấn đề khác là ô nhiễm nguồn nước và rác thải sinh hoạt: nên đặt mục tiêu đến 2030, 100% các khu công nghiệp, đô thị lớn có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn (hiện mới khoảng 60 - 70% cụm công nghiệp có hệ thống xử lý). Đồng thời, triển khai rộng rãi mô hình kinh tế tuần hoàn trong quản lý chất thải rắn đô thị: thúc đẩy phân loại rác tại nguồn, tăng tỷ lệ tái chế, giảm chôn lấp xuống mức tối thiểu. Nhà nước cần có các dự án trọng điểm như xây dựng nhà máy điện rác, nhà máy tái chế lớn tại TP.Hà Nội, TP.HCM. Về bảo tồn thiên nhiên, Việt Nam nên mở rộng diện tích các khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia và cân nhắc hình thành mạng lưới công viên quốc gia như Trung Quốc làm đề bảo vệ hệ sinh thái quan trọng. Mục tiêu đến 2030 có thể là duy trì và nâng tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức ~43%, phục hồi ít nhất 20% diện tích rừng ngập mặn bị mất. Mọi mục tiêu cần đi kèm kế hoạch hành động và nguồn lực rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ ngành, địa phương - tránh chung chung dẫn đến thiếu thực hiện.

Thứ năm, hợp tác quốc tế và khu vực: Xây dựng văn minh sinh thái không chỉ là vấn đề nội tại của mỗi quốc gia, mà còn cần hợp tác cùng giải quyết các thách thức xuyên biên giới như biến đổi khí hậu, ô nhiễm sông biển, suy giảm đa dạng sinh học. Việt Nam nên tích cực tham gia các sáng kiến khu vực về môi trường, ví dụ Sáng kiến "Một vành đai, một con đường xanh" nếu phù hợp, nhằm tranh thủ nguồn lực tài chính và công nghệ từ các nước lớn như Trung Quốc cho các dự án xanh (với điều kiện đảm bảo minh bạch, hiệu quả). Hợp tác song phương Việt - Trung về môi trường cũng rất quan trọng, nhất là trong quản lý các dòng sông chung (như sông Hồng, sông Mekong) và chia sẻ kinh nghiệm quản lý ô

nhiễm đô thị. Thực tế, lãnh đạo ngành môi trường hai nước đã có những cuộc gặp gỡ trao đổi về giám sát chất lượng không khí, phòng chống bụi mịn. Việt Nam có thể mời chuyên gia Trung Quốc hỗ trợ xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ô nhiễm, hoặc học hỏi mô hình thành phố "thông minh - xanh" của họ. Đồng thời, cần tận dụng sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế (UNDP, WB, ADB...) cho các chương trình thí điểm về năng lượng tái tạo, thành phố sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu ở địa phương. Tinh thần chung là hòa nhập xu thế toàn cầu về phát triển xanh, biến thách thức môi trường thành cơ hội hiện đại hóa đất nước.

Như vậy, xây dựng nền văn minh sinh thái xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc là một sáng kiến lý luận và thực tiễn lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển và môi trường trong thời đại mới. Những thành tựu mà Trung Quốc đạt được trong cải thiện môi trường, chuyển đổi xanh nền kinh tế đã khẳng định tính đúng đắn và hiệu quả của hướng đi này. Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu kinh nghiệm Trung Quốc và liên hệ thực tiễn nước nhà cho thấy nhiều điểm tương đồng về mục tiêu và tư tưởng, đồng thời cũng chỉ ra những khoảng cách cần nỗ lực khắc phục. Việt Nam đang đứng trước yêu cầu bức thiết phải đẩy mạnh bảo vệ môi trường để phát triển bền vững, hướng tới nền kinh tế xanh và cuộc sống chất lượng cho nhân dân. Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương đúng đắn, vấn đề còn lại là tổ chức thực hiện sao cho quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả hơn. Những bài học từ mô hình Trung Quốc - từ tầm nhìn chiến lược, cải cách thể chế đến ứng dụng công nghệ và huy động toàn dân - đều là những gợi ý giá trị cho chúng ta. Xây dựng nền văn minh sinh thái Việt Nam không phải là sao chép Trung Quốc, mà là vận dụng sáng tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam, vì mục tiêu chung là phát triển đất nước phồn vinh, nhân dân hạnh phúc trong môi trường trong lành, bền vững. Với quyết tâm chính trị cao của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, cùng việc học hỏi có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, chúng ta hoàn toàn có cơ sở tin tưởng vào tương lai một Việt Nam phát triển theo hướng "xanh" và văn minh hiện đại, sánh vai cùng bạn bè quốc tế trên con đường tiến bộ./.